

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Trương Xuân Vũ;

2- Ông H1 Văn Khiếu.

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thuý Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2022/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Q** 40 tuổi

Địa chỉ: Tổ 2 thị trấn Y T- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

Bị đơn: Anh **Vũ Văn T** 48 tuổi

Địa chỉ: Tổ 2 thị trấn Y T- huyện L- tỉnh Y, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 20-7-2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Bùi Thị Q trình bày: Chị và anh Vũ Văn T kết hôn tháng 8 năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã M- huyện L- tỉnh Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2016- 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau; anh T có quan hệ tình cảm với người khác, không quan tâm đến vợ con dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau, nhiều lần anh T còn đánh chị. Mặc dù đã được gia đình khuyên nhủ; chị cũng đã nhiều lần ra toà làm đơn ly hôn, anh T đã viết cam kết sửa chữa, chị đã rút đơn nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không thay đổi. Xác định không còn tình cảm, chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có hai cháu là Vũ Thị

Bích H sinh ngày 23-12-2005 và Vũ Minh H1 sinh ngày 08-7-2010. Khi ly hôn chị sẽ nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y đã ra văn bản thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần, thậm chí đã gặp trực tiếp giải thích nhưng anh T không có mặt nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục pháp luật quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn đã được triệu tập nhưng không có mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Q được ly hôn với anh T; giao các con cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa chị Bùi Thị Q và anh Vũ Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; các đương sự có địa chỉ thường trú tại thị trấn Y T- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được triệu tập, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Vũ Văn T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Q và anh Vũ Văn T kết hôn năm 2005, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Theo lời khai của nguyên đơn cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong thời gian qua vợ chồng chị Q- anh T không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống

không hợp nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra văn bản thông báo và triệu tập nhiều lần nhằm hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Vũ Văn T từ chối có mặt tham gia các phiên hoà giải đã thể hiện không còn thiện chí tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này nữa; chị Bùi Thị Q khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Q- anh T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Q có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Q và anh T có hai cháu là Vũ Thị Bích H sinh ngày 23-12-2005 và Vũ Minh H1 sinh ngày 08-7-2010. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Q đề nghị được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Xét hoàn cảnh thực tế cháu Hồng là con gái đang độ tuổi phát triển về tâm, sinh lý nên rất cần sự gần gũi, chăm sóc của người mẹ. Trong biên bản lấy lời khai cả cháu Hồng và cháu H1 đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh T không có mặt để thể hiện quan điểm về vấn đề nuôi con, do đó cần giao cả hai cháu Vũ Thị Bích H và Vũ Minh H1 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do chị Q không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Chị Q không yêu cầu nên việc giải quyết không đặt ra.

[5] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Bùi Thị Q được ly hôn với anh Vũ Văn T.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; giao cả hai cháu là Vũ Thị Bích H sinh ngày 23-12-2005 và Vũ Minh H1 sinh ngày 08-7-2010 cho chị Bùi Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Vũ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh Vũ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Bùi Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Xác nhận chị Q đã nộp đủ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2021/0002432 ngày 20-7-2022.

4- Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Bùi Thị Q có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Vũ Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã Minh Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô